

ĐỀN THỜ THÁNH TỔ VÀ LỄ HỘI LÀNG ĐÚC ĐỒNG TỔNG XÁ (Ý YÊN, NINH BÌNH): KHÔNG GIAN THIỀNG, THỰC HÀNH NGHI LỄ VÀ CHỨC NĂNG CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG NGHỀ NGHIỆP

BÙI VĂN HUỖNH
Viện Sử học

Nhận bài ngày 06/8/2026. Sửa chữa xong 15/9/2026. Duyệt đăng 26/9/2026.

Abstract

This article examines the craft patriarch's temple and traditional village festival in Tống Xá bronze-casting village, now part of Ý Yên commune, Ninh Bình province, through the relationships among sacred space, ritual practices, and the occupational community. Drawing on local gazetteers, deity biographies, royal decrees, Hán-Nôm materials, studies of traditional crafts and craft villages, and fieldwork data, the article addresses three dimensions: the formation of the village's historical and cultural space and the place of Zen master Nguyễn Minh Không in the community's occupational memory; the structure and sequence of the festival, particularly the Trình nghề ritual involving offerings of bronze objects; and the role of craft patriarch worship in sustaining community identity, social relationships, and the transmission of craft knowledge.

Keywords: Craft patriarch worship, craft patriarch's temple, Nguyễn Minh Không, Tống Xá, village festival.

1. Đặt vấn đề

Trong cấu trúc làng xã truyền thống ở đồng bằng Bắc Bộ, làng nghề thủ công không chỉ là không gian sản xuất và sinh kế mà còn là một chỉnh thể văn hóa – xã hội, trong đó quan hệ dòng họ, nghề nghiệp, tín ngưỡng và kỷ ức cộng đồng đan xen với nhau. Ở nhiều làng nghề, việc thờ tổ nghề và tổ chức lễ hội định kỳ tạo nên một điểm quy chiếu tinh thần, qua đó cộng đồng tưởng niệm nguồn gốc nghề, tái tạo những chuẩn mực ứng xử và củng cố cảm thức thuộc về một cộng đồng chung.

Tống Xá, thuộc xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình, là nơi có truyền thống đúc kim loại lâu đời. Nghề đúc ở đây tạo ra nhiều nhóm sản phẩm, từ đồ dùng và công cụ đến chuông, tượng, đồ thờ và sản phẩm mỹ nghệ. Trong không gian làng nghề, đền thờ Thánh tổ Nguyễn Minh Không giữ vị trí đặc biệt. Theo truyền thống địa phương, ông được tôn là người truyền dạy nghề đúc, còn Tống Phúc Thành được ghi nhớ với công lao khai khẩn, lập trang Kiến Hòa – tiền thân của Tống Xá.

Lễ hội đền Tống Xá vì thế có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi một sinh hoạt tín ngưỡng thông thường. Nổi bật trong lễ hội là nghi thức “Trình nghề”, hay tiến phẩm đồng, trong đó thành quả lao động của người thợ được đưa vào không gian thờ tự để dâng lên Thánh tổ. Thực hành này cho phép nhận diện mối quan hệ trực tiếp giữa nghề nghiệp và tín ngưỡng: nghề được biểu tượng hóa trong lễ vật, còn tín ngưỡng cung cấp một khung ý nghĩa để cộng đồng nhìn nhận và đánh giá lao động nghề nghiệp.

Từ góc độ đó, bài viết tiếp cận đền thờ Thánh tổ và lễ hội Tống Xá như một chỉnh thể văn hóa, tập trung vào ba câu hỏi: không gian thiêng được kiến tạo và vận hành như thế nào; nghi lễ, đặc biệt là Trình nghề, tái hiện kỷ ức nghề nghiệp ra sao; và tín ngưỡng tổ nghề góp phần như thế nào vào sự cố kết cộng đồng trong điều kiện nghề truyền thống đang biến đổi?

(*) Bài viết là một phần nội dung thuộc Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở “Làng đúc đồng ở châu thổ sông Hồng từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX: Trường hợp các làng Tống Xá (Nam Định), Đại Bái (Bắc Ninh), Lộng Thượng (Hưng Yên)”, mã số: VSH/NV/2026-13.

Email: Buihuynh12@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Không gian lịch sử – văn hóa và đền thờ Thánh tổ

2.1.1. Ký ức khai lập đất làng và nguồn gốc nghề đúc

Theo thần tích và tư liệu địa phương, vùng đất Tống Xá được hình thành vào cuối thế kỷ VIII, gắn với công cuộc khai khẩn của Tống Phúc Thành. Từ vùng đất hoang, đầm lầy và ngập nước, ông được truyền thống địa phương ghi nhận là người chiêu tập cư dân, khai hoang và lập trang Kiến Hòa với quy mô khoảng 1.450 mẫu; về sau tên trang được đổi thành Tống Xá (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 251).

Trong cấu trúc ký ức ấy, Tống Phúc Thành và Nguyễn Minh Không đảm nhận hai vị trí biểu tượng khác nhau nhưng bổ sung cho nhau: một người gắn với việc khai lập đất làng, một người gắn với sự hình thành nghề nghiệp. Theo các tư liệu tại địa phương, Nguyễn Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành (1065–1141), sinh tại Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Tràng An; thuở nhỏ làm nghề chài lưới và học nghề rèn đúc nông cụ, sau xuất gia và được thiền sư Giác Không truyền tâm pháp, ban pháp hiệu Minh Không (Đỗ Đình Thọ và cs, 2010, tr. 64).

Thần phả do Vũ Huy Trác soạn năm Cảnh Hưng thứ 42 (1781) và sách *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* ghi rằng sau khi tu sửa chùa Cổ Liêu ở Tống Xá, Nguyễn Minh Không nhận thấy chất đất sét ở khu vực Cầu Hồ thích hợp làm khuôn và hướng dẫn dân làng chế tác khuôn, truyền dạy nghề đúc kim loại (Khiếu Năng Tĩnh, 1915, tr.143; Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 252). Truyền ngôn địa phương còn kể rằng bảy vị tiền bối thuộc bảy dòng họ tiếp nhận nghề và trở thành những người truyền nghề cho các thế hệ sau. Danh sách gồm Dương Công Đán, Nguyễn Đức Thường, Trần Thế Tường, Diệp Xuân Tâm, Hồ Chí Hòa, Hoàng Đạo An và Đỗ Tuy Phúc (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 64).

Giá trị của câu chuyện này không chỉ nằm ở việc xác định một “mốc khởi nguyên” của nghề. Quan trọng hơn, nó cho thấy cộng đồng Tống Xá đã kiến tạo một phả hệ nghề nghiệp, trong đó nghề được đặt dưới sự bảo trợ của một nhân vật thiêng và được nối tiếp qua các dòng họ. Đòi câu đối lưu tại đền, “Phục tiên trừ ư điển mẫu / Khải hậu thế dĩ công nông”, thể hiện sự liên kết giữa công cuộc khai khẩn đất đai với việc mở mang nghề nghiệp, qua đó cô đọng quan niệm của cộng đồng về nguồn gốc làng và nghề (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 253).

2.1.2. Kiến trúc đền và sự hình thành không gian thiêng

Đền thờ Thánh tổ tọa lạc ở khu vực trung tâm Tống Xá, trước đây thuộc xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nay thuộc xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình. Theo tư liệu di tích, công trình ban đầu gồm Trung đường ba gian và Hậu cung bốn gian, bố cục chữ Đinh; đến năm 2000, địa phương phục dựng thêm Tiền đường năm gian, tạo nên tổng thể “tiền chữ Nhất, hậu chữ Đinh” (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 253).

- Tiền đường gồm năm gian, tạo khoảng chuyển tiếp giữa sân và khu vực thờ tự;
- Trung đường ba gian, kết cấu chống rường giá chiêng, được trang trí bằng các mô típ lá lật, mây tản và hoa lá cách điệu;
- Hậu cung bốn gian, bố trí vuông góc với Trung đường, là khu vực có mức độ thiêng hóa cao nhất, với hệ vì mè cốn và các mảng chạm khắc Tứ linh, Long cuốn thủy cùng những mô típ trang trí truyền thống (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 253–254).

Từ phương diện nghiên cứu văn hóa, cấu trúc này cho thấy không gian thiêng được tạo lập thông qua sự phân tầng. Sân đền và Tiền đường là nơi cộng đồng tập hợp; Trung đường là không gian thực hành tế lễ; Hậu cung là nơi đặt khám và tượng Thánh tổ. Tính thiêng vì vậy không chỉ nằm ở đối tượng thờ mà còn được tạo ra bởi kiến trúc, thứ tự tiếp cận, nghi thức và quy tắc ứng xử.

Không gian lễ hội còn mở rộng vượt khỏi ranh giới kiến trúc đền. Trong ký ức địa phương, chùa Cổ Liêu gắn với việc Nguyễn Minh Không tu sửa; cánh đồng Cầu Hồ gắn với nguồn đất làm khuôn; còn các tuyến phố và cơ sở sản xuất là không gian nghề nghiệp hiện tại. Khi đoàn rước đi qua những địa điểm

này, các không gian đời thường được tạm thời tích hợp vào cảnh quan thiêng. Có thể nói, lễ hội đã liên kết các địa điểm rời rạc thành một “cảnh quan ký ức” của cộng đồng nghề.

Đền còn lưu giữ nhiều tư liệu Hán Nôm, trong đó có thần phả, câu đối và các sắc phong (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254). Cùng với đó là hệ thống đồ thờ kim khí như: tượng Thánh tổ, bát bửu, đại hồng chung, đỉnh, lư hương và hạc thờ được chế tác bằng đồng hoặc các chất liệu kim khí do nghệ nhân địa phương cung tiến (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 66, 69; Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254). Ở đây, sản phẩm nghề không còn chỉ là vật phẩm kinh tế mà trở thành thành phần của không gian thiêng. Di tích vì thế đồng thời lưu giữ cả ký ức bằng văn bản và ký ức bằng vật thể về nghề đúc.

2.2. Lễ hội và thực hành nghi lễ

2.2.1. Chu kỳ lễ hội và không gian thiêng

Theo tư liệu địa phương, lễ hội chính của đền Tống Xá diễn ra vào ngày 12 tháng 2 âm lịch, gắn với truyền thống về thời điểm Nguyễn Minh Không đến Tống Xá và truyền nghề (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254). Bên cạnh ngày chính hội, cộng đồng còn có những kỳ tưởng niệm khác gắn với ngày viên tịch của Thánh tổ và sinh hoạt giỗ tổ nghề. Những thực hành này tạo nên một chu kỳ thời gian trong đó ký ức về nhân vật được thờ được tái hiện định kỳ.

Không gian của lễ hội có thể được nhận diện qua trục Đền Thánh tổ – chùa Cổ Liêu – Cầu Hố – các tuyến phố nghề và cơ sở sản xuất. Việc rước, dâng hương hoặc bái vọng tại những địa điểm gắn với truyền thuyết về Thánh tổ tạo ra sự liên kết giữa ký ức, địa điểm và nghi lễ (Khiếu Năng Tĩnh, 1915, tr. 143; Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 252, 254).

2.2.2. Diễn trình phần lễ

Phần lễ bắt đầu với các nghi thức chuẩn bị và làm sạch không gian thờ tự. Lễ Mộc dục và Tế cáo yết, theo tư liệu địa phương, được thực hiện trước ngày chính hội, gồm việc bao sái tượng Thánh tổ, thay cờ thần và cáo yết để xác lập thời gian mở hội (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254). Những hành động này có ý nghĩa chuyển đổi trạng thái của không gian: từ sinh hoạt thường nhật sang thời gian thiêng của lễ hội.

Sáng ngày chính hội, đoàn rước kiệu đi qua các trục đường làng và phố nghề. Theo mô tả, đoàn rước có đội múa rồng lân, cờ, phường bát âm, kiệu Bát cống, đại diện các dòng họ và các cơ sở đúc đồng; tại một số điểm gắn với ký ức về Thánh tổ, đoàn dừng lại thực hiện nghi thức bái vọng trước khi trở về đền (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 70; Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 252, 254). Rước kiệu vì vậy không chỉ là di chuyển một biểu tượng thờ tự mà còn là cách cộng đồng “đánh dấu” không gian làng bằng ký ức chung.

Sau lễ rước là nghi thức đại tế. Chúc văn và lời tế nhấn mạnh công đức của Nguyễn Minh Không, trong đó có những truyền thống liên quan đến việc chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông, hoàng pháp và gắn ông với kỹ nghệ luyện kim. Khi được đọc trong không gian cộng đồng, những nội dung ấy biến ký ức về nhân vật thành lời tưởng niệm tập thể và truyền lại cho người tham dự (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 65; Nguyễn Ôn Ngọc, 1893, tr. 102).

2.2.3. Trình nghề (tiến phẩm đồng): giao điểm giữa tín ngưỡng và nghề nghiệp

Trình nghề là thực hành nổi bật nhất thể hiện đặc trưng nghề nghiệp của lễ hội Tống Xá. Theo tư liệu, sau phần đại tế, các chủ xưởng và nghệ nhân tiêu biểu đưa những sản phẩm do mình chế tác tới dâng trước bàn thờ Thánh tổ (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 69; Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254). Lễ vật có thể là tượng, đồ thờ, đỉnh, lọ hoa, chuông và các sản phẩm kim khí mỹ nghệ khác.

Trước hết, Trình nghề là một hành động tri ân. Người thợ đưa thành quả lao động vào không gian thiêng để tạ ơn tổ nghề, cầu mong công việc thuận lợi và tiếp tục duy trì nghề nghiệp. Sản phẩm lúc này có hai tư cách: vừa là kết quả của lao động, vừa là lễ vật. Sự chuyển đổi tư cách ấy tạo nên mối liên hệ trực tiếp giữa hoạt động kinh tế và đời sống tín ngưỡng.

Thứ hai, nghi thức có chức năng biểu đạt giá trị nghề. Sản phẩm được đưa ra trước cộng đồng, qua đó, kỹ năng và sự khéo léo của người thợ trở thành đối tượng được nhìn nhận. Trình nghề tạo ra một không gian xã hội để sản phẩm được cộng đồng chứng kiến, đánh giá và biểu dương; qua đó góp phần củng cố uy tín nghề nghiệp của người thợ và cơ sở sản xuất.

Thứ ba, trình nghề góp phần tái tạo căn tính cộng đồng. Trong đời sống kinh tế, các cơ sở có thể cạnh tranh về thị trường, đơn hàng và thương hiệu; nhưng trong lễ hội, họ cùng xuất hiện dưới tư cách thành viên của một cộng đồng nghề nghiệp có chung biểu tượng tổ nghề. Tín ngưỡng vì thế không xóa bỏ cạnh tranh kinh tế mà tạo ra một tầng căn tính chung, giúp những khác biệt về lợi ích được đặt trong một không gian liên kết rộng hơn.

2.2.4. Phần hội và diễn xướng dân gian

Phần hội bổ sung cho phần lễ bằng những hoạt động tạo ra tương tác xã hội rộng rãi. Tư liệu địa phương ghi nhận các trò chơi như đấu vật, vật cù, bắt vịt dưới ao, tổ tôm điểm, cờ tướng và kéo co; cùng với đó là hát chèo, hát văn và những hình thức diễn xướng gắn với công đức tổ tiên và đời sống làng nghề (Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định, 2008, tr. 254; Nguyễn Ôn Ngọc, 1893, tr. 110).

Một số nội dung diễn xướng kể lại sự tích Nguyễn Minh Không và nguồn gốc nghề đúc. Khi câu chuyện được đưa lên sân khấu hoặc tái hiện bằng hình thức trình diễn, ký ức cộng đồng được chuyển từ văn bản và lời kể sang hình thức trực quan, dễ tiếp nhận hơn. Giá trị chính của những diễn xướng này nằm ở chức năng truyền ký ức và giáo dục văn hóa, không phải ở việc chúng có thể thay thế chứng cứ lịch sử.

2.3. Tín ngưỡng tổ nghề và chức năng cố kết cộng đồng

2.3.1. Dòng họ và ký ức về truyền nghề

Truyền thống về bảy dòng họ Dương, Nguyễn, Trần, Diệp, Hồ, Hoàng và Đỗ là một thành tố quan trọng trong cách cộng đồng Tống Xá nhận diện nguồn gốc nghề. Việc gắn lịch sử nghề với các dòng họ tạo nên một “phả hệ nghề nghiệp”, trong đó ký ức về người truyền nghề được nối với những người tiếp nhận và truyền lại kỹ nghệ cho thế hệ sau (Đỗ Đình Thọ và cộng sự, 2010, tr. 64, 70).

Tư liệu tại địa phương cũng đề cập đến việc một số bí quyết nghề từng được lưu giữ trong phạm vi gia đình và dòng họ. Đây là đặc điểm có thể gặp ở các nghề thủ công truyền thống, nơi kỹ năng được truyền thụ qua quan hệ thầy – trò, gia đình và lao động trực tiếp. Dù vậy, không nên giản lược quá trình truyền nghề thành một nguyên tắc phụ quyền tuyệt đối; cần phân biệt giữa những quy ước ở từng dòng họ, từng giai đoạn với cơ chế truyền nghề của toàn bộ làng nghề.

2.3.2. Tri thức thực nghiệm và giá trị của kỹ năng nghề

Nghề đúc đồng truyền thống dựa nhiều vào tri thức kinh nghiệm. Người thợ phải quan sát nguyên liệu, khuôn, lửa và trạng thái kim loại để điều chỉnh thao tác. Các công trình nghiên cứu về nghề đúc Tống Xá nhấn mạnh vai trò của kỹ năng cảm quan và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình tạo khuôn, nấu luyện, rót kim loại và hoàn thiện sản phẩm (Phan Đại Doãn và cs, 1988, tr. 31–34; Đỗ Đình Thọ và cs, 2010, tr. 65–66). Những tri thức này khó có thể được truyền đạt đầy đủ chỉ bằng văn bản mà đòi hỏi quá trình thực hành lâu dài.

Đối với nghiên cứu văn hóa, tri thức kỹ thuật vì vậy cũng là một dạng di sản. Khi người thợ trình diễn kỹ thuật hoặc đưa sản phẩm vào lễ hội, một phần tri thức vốn nằm trong cơ thể và kinh nghiệm cá nhân được chuyển thành biểu tượng có thể quan sát. Đây là cơ sở để xem lễ hội không chỉ là nơi tưởng niệm mà còn là môi trường trình hiện tri thức nghề.

2.3.3. Cố kết xã hội và tương trợ nghề nghiệp

Tín ngưỡng tổ nghề có thể tạo ra một ngôn ngữ đạo đức chung cho cộng đồng. Hình tượng Thánh tổ được đặt ở vị trí trung tâm của ký ức nghề, qua đó khuyến khích những giá trị như tôn trọng nghề, giữ uy tín, coi trọng chất lượng sản phẩm và duy trì quan hệ với bạn nghề. Đền thờ được xem như một “thiết chế kiểm soát xã hội”. Tín ngưỡng tổ nghề cũng được nhân dân coi như một nguồn chuẩn mực biểu tượng, tác động cùng với gia đình, dòng họ, thị trường và các thiết chế chính thức.

Trong những công trình lớn đòi hỏi nhiều nhân lực và kỹ năng, quan hệ xã hội của làng nghề có thể tạo điều kiện cho hợp tác. Các công trình về Tổng Xá ghi nhận những nghề nhân và cơ sở sản xuất tham gia đúc tượng, chuông và sản phẩm quy mô lớn, cho thấy sự chuyển dịch từ sản xuất thủ công nhỏ sang tổ chức sản xuất có mức độ chuyên môn hóa và cơ giới hóa cao hơn (Đỗ Đình Thọ và cs, 2010, tr. 67–7).

2.4. Biến đổi đương đại và định hướng bảo tồn

2.4.1. Những biến đổi và thách thức

Bước sang thế kỷ XXI, nghề đúc Tổng Xá có sự chuyển đổi mạnh về quy mô sản xuất, công nghệ và thị trường. Bên cạnh kỹ thuật thủ công, các cơ sở đã sử dụng máy móc, thiết bị luyện kim và phương thức tạo mẫu mới để đáp ứng đơn hàng lớn (Đỗ Đình Thọ và cs, 2010, tr. 68–72). Sự chuyển đổi này tạo thêm cơ hội kinh tế nhưng cũng đặt ra câu hỏi về khả năng duy trì những kỹ năng thủ công có giá trị văn hóa.

Thách thức thứ nhất là nguy cơ thu hẹp tri thức thủ công. Khi một số công đoạn được cơ giới hóa, những kỹ năng như tạo khuôn, sửa nguội, chạm khắc và hoàn thiện sản phẩm có thể ít được truyền dạy theo phương thức truyền thống. Tuy nhiên, không nên đồng nhất cơ giới hóa với sự mất nghề. Vấn đề cốt lõi là xác định những tri thức và kỹ năng nào cần được tiếp tục thực hành, ghi chép và truyền dạy trong điều kiện sản xuất mới.

Thách thức thứ hai liên quan đến cảnh quan và môi trường. Sự phát triển của các cơ sở luyện kim có thể tạo sức ép về bụi, khí thải, tiếng ồn và chất thải. Vì vậy, bảo tồn đền và cảnh quan văn hóa cần được đặt trong quan hệ với quy hoạch sản xuất và bảo vệ môi trường, tránh tách rời di tích khỏi không gian sống của cộng đồng.

Thách thức thứ ba là thương mại hóa lễ hội. Nguồn lực từ doanh nghiệp và khách tham quan có thể giúp mở rộng quy mô tổ chức, nhưng đồng thời có nguy cơ làm một số thực hành nghi lễ bị sân khấu hóa hoặc thiên về trình diễn. Do đó, phát huy lễ hội cần bảo đảm vai trò chủ thể của cộng đồng và giữ được ý nghĩa tín ngưỡng của những nghi thức cốt lõi.

2.4.2. Định hướng bảo tồn và phát huy

Một số định hướng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích đền Thánh tổ và lễ hội làng Tổng Xá có thể thực hiện theo hướng gợi ý sau:

- Tư liệu hóa hệ thống thần phả, sắc phong, câu đối, đồ thờ và ký ức của nghề nhân; đối với tư liệu Hán Nôm có niên đại sớm cần phiên âm, dịch nghĩa và thẩm định văn bản học trước khi sử dụng làm chứng cứ lịch sử.

- Xây dựng chương trình truyền dạy nghề với sự tham gia trực tiếp của nghề nhân, ưu tiên các kỹ thuật có nguy cơ mai một; kết hợp ghi hình, mô tả quy trình và thực hành truyền nghề.

- Bảo tồn đền Thánh tổ trong mối liên hệ với chùa Cổ Liêu, các địa điểm ký ức và không gian nghề; khi quy hoạch cần tính đến cả cảnh quan văn hóa và yêu cầu môi trường của khu sản xuất.

- Phát triển du lịch văn hóa theo hướng cộng đồng làm chủ, kết hợp tham quan di tích, tìm hiểu lịch sử nghề và quan sát kỹ thuật chế tác; nội dung thuyết minh cần phân biệt rõ giữa tư liệu lịch sử, thần tích và truyền thuyết.

- Đánh giá lễ hội định kỳ trên cả hai phương diện bảo tồn và phát huy, trong đó ưu tiên duy trì Trình nghề, rước, tế và những thực hành có vai trò trực tiếp đối với ký ức cộng đồng; tránh biến lễ hội thành một chương trình biểu diễn thuần túy.

3. Kết luận

Đền thờ Thánh tổ và lễ hội làng đúc đồng Tổng Xá là một chỉnh thể văn hóa trong đó ký ức về lịch sử làng, tín ngưỡng tổ nghề, thực hành nghi lễ và nghề thủ công liên kết chặt chẽ. Trong truyền thống địa phương, Tổng Phúc Thành gắn với công cuộc khai khẩn, còn Nguyễn Minh Không gắn với nguồn gốc nghề đúc. Sự tồn tại bền bỉ của ký ức ấy đã tạo nền tảng biểu tượng cho cộng đồng nghề nghiệp.

Không gian thiêng của Tổng Xá không chỉ giới hạn trong khuôn viên đền. Nó được mở rộng qua các tuyến rước và những địa điểm gắn với ký ức về Thánh tổ, đồng thời được vật chất hóa qua hệ thống đồ thờ do nghệ nhân địa phương chế tác. Đền vì vậy vừa là nơi thực hành tín ngưỡng vừa là một “kho lưu trữ” ký ức nghệ bằng văn bản, kiến trúc và vật thể.

Lễ hội là cơ chế quan trọng để ký ức ấy được tái tạo theo chu kỳ. Các nghi thức Mộc dục, rước, tế và dâng lễ xác lập thời gian thiêng; phần hội tạo không gian giao tiếp và diễn xướng; còn Trình nghề là thực hành tiêu biểu nhất cho sự giao thoa giữa tín ngưỡng và nghề nghiệp. Qua việc dâng sản phẩm do mình chế tác, người thợ thể hiện lòng tri ân tổ nghề, đồng thời công khai thành quả và uy tín nghề nghiệp trước cộng đồng.

Chức năng cố kết của tín ngưỡng tổ nghề cũng cần được hiểu theo hướng mở. Lễ hội không xóa bỏ sự khác biệt về dòng họ, cơ sở sản xuất hay lợi ích kinh tế; thay vào đó, nó tạo ra một biểu tượng chung để những khác biệt ấy cùng tồn tại trong một cộng đồng. Trong điều kiện công nghiệp hóa và thị trường hóa, chính khả năng duy trì một căn tính chung có thể giúp cộng đồng nghề nghiệp bảo lưu ký ức và huy động nguồn lực xã hội cho sự tiếp nối nghề.

Bảo tồn di sản văn hóa ở Tổng Xá không chỉ là giữ một ngôi đền hay một ngày hội. Đối tượng cần được bảo tồn là mối quan hệ sống động giữa di tích, ký ức, nghi lễ, tri thức nghề và những người đang thực hành nghề. Đây cũng là cơ sở để nhìn nhận làng nghề như một không gian văn hóa sống, trong đó truyền thống không bị đóng khung trong quá khứ mà tiếp tục được cộng đồng điều chỉnh và tái tạo trong điều kiện hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Nam Định (2008). *Di tích lịch sử văn hóa tỉnh Nam Định*. NXB Văn hóa Dân tộc.
- Đỗ Đình Thọ, Lưu Tuấn Hùng, Nguyễn Văn Nhiên, Hồ Đức Thọ, Trần Đăng Ngọc, - Thành Nam (2010). *Nghề và làng nghề truyền thống ở Nam Định*. NXB Lao động.
- Khiếu Năng Tĩnh (1915). *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*. Phòng Địa chí – Thư mục. Thư viện tỉnh Nam Định.
- Nguyễn Ôn Ngọc (1893). *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*. Phòng Địa chí – Thư mục. Thư viện tỉnh Nam Định.
- Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (1988). *Những bàn tay tài hoa của cha ông*. NXB Giáo dục.